

cách viết liền mạch.	
3. HĐ thực hành viết trong vở: (15 phút)	
* Mục tiêu:	
- Học sinh trình bày đúng và đẹp nội dung trong vở tập viết.	
* Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp - cá nhân	
Việc 1: Hướng dẫn viết vào vở.	
- Giáo viên nêu yêu cầu viết:	- Quan sát, lắng nghe.
+ 1 dòng chữ <i>Y</i> cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ.	
+ 1 dòng chữ <i>Yêu</i> cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ.	
+ 3 dòng câu ứng dụng cỡ nhỏ.	
- Nhắc nhở học sinh tư thế khi ngồi viết và các lưu ý cần thiết.	- Lắng nghe và thực hiện.
- Giáo viên lưu ý học sinh quan sát các dấu chấm trên dòng kẻ của vở là điểm đặt bút.	
Việc 2: Viết bài:	
- Giáo viên yêu cầu học sinh viết bài, từng dòng theo hiệu lệnh của giáo viên.	- Học sinh viết bài vào vở Tập viết theo hiệu lệnh của giáo viên.
- Theo dõi, giúp đỡ học sinh viết chậm.	
<i>Lưu ý theo dõi và giúp đỡ đối tượng MI</i>	
4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)	
- Giáo viên đánh giá một số bài.	
- HS nhắc lại quy trình viết chữ <i>Y</i>	
- Nhận xét, tuyên dương những học sinh viết tốt.	
- Trưng bày một số bài đẹp cho cả lớp lên tham khảo.	
- Yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học, những điểm cần ghi nhớ khi viết chữ <i>Y</i>	
5. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)	
- Viết chữ hoa “ <i>Y</i> ”, và câu “ <i>Yêu lũy tre làng</i> ” kiểu chữ sáng tạo.	
- Nhận xét tiết học.	
- Yêu cầu học sinh về hoàn thành nốt bài viết và tự luyện viết thêm cho đẹp. Chuẩn bị bài: <i>Chữ hoa A (Kiểu 2)</i>	

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

ĐẠO ĐỨC

GIÚP ĐỠ NGƯỜI KHUYẾT TẬT (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết: mọi người đều cần phải hỗ trợ, giúp đỡ đối xử bình đẳng với người khuyết tật.

2. Kỹ năng: Nêu được một số hành động, việc làm phù hợp để giúp đỡ người khuyết tật.

3. Thái độ: Có thái độ cảm thông, không phân biệt đối xử và tham gia giúp đỡ bạn khuyết tật trong lớp, trong trường và ở cộng đồng phù hợp với khả năng.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Năng lực tự học, NL giao tiếp – hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL tư duy, NL quan sát, ...

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Nội dung truyện *Công bạn đi học* (theo Phạm Hồ). Phiếu thảo luận.
- Học sinh: Vở bài tập Đạo đức.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, khăn trải bàn, động não.
- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
<p>- Đàm thoại: +Giáo viên hỏi học sinh các việc nên và không nên làm khi đến chơi nhà người khác để cư xử cho lịch sự. - Nhận xét chung. Tuyên dương học sinh có hành vi đúng. - Giới thiệu bài mới, ghi tựa bài lên bảng.</p>	<p>- Học sinh trả lời. - Học sinh nhận xét. - Quan sát và lắng nghe.</p>
2. HĐ thực hành: (27 phút)	
<p>*Mục tiêu: - Biết: mọi người đều cần phải hỗ trợ, giúp đỡ đối xử bình đẳng với người khuyết tật. - Nêu được một số hành động, việc làm phù hợp để giúp đỡ người khuyết tật. - Có thái độ cảm thông, không phân biệt đối xử và tham gia giúp đỡ bạn khuyết tật trong lớp, trong trường và ở cộng đồng phù hợp với khả năng.</p>	
<p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>Việc 1: Kể chuyện: Công bạn đi học: <b style="color: red;">Làm việc cả lớp -GV kể chuyện <i>Hồng và Tứ là đôi bạn thân, quê ở Thái Bình. Hồng bị liệt từ nhỏ, hai chân teo quắt lại không đi đứng được. Vậy mà Hồng rất ham học. Thấy các bạn hằng ngày riu rít cắp sách đến trường, em cũng khóc xin mẹ cho đi học.</i> <i>Tứ ở cùng xóm với Hồng. Nhà Tứ nghèo, bố mẹ già thường xuyên đau ốm nên mới ít tuổi em đã phải lo toan nhiều công việc nặng trong gia đình. Có lẽ vì vậy mà Tứ trông gầy gò bé nhỏ so với các bạn cùng tuổi.</i> <i>Thương Hồng tàn tật, thương mẹ bạn già yếu, lại bạn sản xuất, Tứ xin phép được giúp bạn. Hằng ngày, Tứ công Hồng đến trường rồi lại công hồng về nhà, chẳng quản mưa nắng đường xa. Những hôm trời mưa, đường làng đầy vết chân trâu, trơn như đổ mỡ,</i></p>	<p>- Lớp theo dõi giáo viên kể. +HS nhẩm thầm nội dung câu chuyện</p>

cồng bạn trên lưng Tứ phải cố bám mười đầu ngón chân xuống đất cho khỏi ngã. Có những hôm bị ốm, nhưng sợ Hồng bị mất buổi, Tứ vẫn cố gắng cồng bạn đi học.

Ba năm liền Tứ đã cồng bạn đi học như vậy. Tấm gương của Tứ đã được bạn bè khắp xa gần học tập. Giờ đây, cùng với em, có cả 1 tiểu đội các bạn cùng lớp hàng ngày thay nhau đưa Hồng đi học.

Biết câu chuyện cảm động này, Bác Hồ đã khen ngợi và gửi tặng đôi bạn huy hiệu của Người.

Việc 2: Phân tích truyện Cồng bạn đi học:

Làm việc cả lớp

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hành
- GV trợ giúp HS hạn chế

- TBHT điều hành HĐ chia sẻ

- Vì sao tứ phải cồng bạn đi học?

- Những chi tiết nào cho thấy Tứ không ngại khó, ngại khổ để cồng bạn đi học?

- Các bạn trong lớp đã học được điều gì ở Tứ?

- Em rút ra bài học gì từ câu chuyện này?

- Những người như thế nào thì được gọi là người khuyết tật?

- Giáo viên giáo dục học sinh: chúng ta cần giúp đỡ người khuyết tật vì họ là những người thiệt thòi trong cuộc sống. Nếu được giúp đỡ thì họ sẽ vui hơn và cuộc sống đỡ vất vả hơn.

Việc 3: Thảo luận nhóm:

Làm việc theo nhóm – Chia sẻ trước lớp

- Yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm để tìm những việc nên và không nên làm đối với người khuyết tật.

- Gọi đại diện các nhóm trình bày, nghe học sinh trình bày và ghi các ý kiến không trùng nhau lên bảng.

- Giáo viên kết luận: Tùy theo khả năng và điều kiện của mình mà các em làm những việc giúp đỡ người tàn tật cho phù hợp. Không nên xa lánh, thờ ơ, chế giễu người tàn tật.

- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.

-Thực hiện theo YC của trưởng nhóm

- Học sinh cùng tương tác

*Dự kiến ND- KQ chia sẻ

- Vì Hồng bị liệt không đi được nhưng lại rất muốn đi học.

- Dù trời nắng hay mưa, dù có những hôm ốm mệt, Tứ vẫn cồng bạn đi học để bạn không mất buổi.

- Các bạn đã thay nhau cồng Hồng đi học.

- Chúng ta cần giúp đỡ người khuyết tật.

- Những người mất chân, tay, khiếm thị, khiếm thính, trí tuệ không bình thường, sức khỏe yếu...

- Học sinh lắng nghe.

- Chia thành 4 nhóm thảo luận và ghi ý kiến vào phiếu thảo luận nhóm.

- Trình bày kết quả thảo luận.

- Học sinh nghe.

Khuyến khích bày tỏ ý kiến (đối tượng M1)

3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)

- Giáo viên tổng kết bài, giáo dục học sinh, liên hệ: Giúp đỡ người khuyết tật là thể hiện lòng nhân ái theo gương Bác.
- Giáo viên nhận xét tiết học.
- Dặn học sinh về làm vở bài tập. Chuẩn bị bài cho tiết sau (...)

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....
.....
.....

TOÁN

Tiết 134: CÁC SỐ TRÒN CHỤC TỪ 110 ĐẾN 200

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nhận biết được các số tròn chục từ 110 đến 200.
- Biết cách đọc, viết các số tròn chục từ 110 đến 200.
- Biết cách so sánh các số tròn chục.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng đọc, viết và so sánh các số tròn chục từ 110 đến 200.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

*Bài tập cần làm: bài tập 1,2,3.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, các hình vuông, mỗi hình biểu diễn 100, các hình chữ nhật biểu diễn 1 chục. Bảng kẻ sẵn các cột ghi rõ: Trăm, chục, đơn vị, viết số, đọc số, như phần bài học của sách giáo khoa.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não.
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- Giáo viên kết hợp với ban học tập tổ chức cho học sinh thi đua viết số tròn chục mà mình biết lên bảng.- Giáo viên tổng kết trò chơi, tuyên dương học sinh tích cực.- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: Các số tròn chục từ 110 đến 200	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh chủ động tham gia.- Lắng nghe.- Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.

2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút)

*Mục tiêu:

- Nhận biết được các số tròn chục từ 110 đến 200.
- Biết cách đọc, viết các số tròn chục từ 110 đến 200.
- Biết cách so sánh các số tròn chục.

*Cách tiến hành: **Làm việc cả lớp**

- Giáo viên kết hợp với CTHĐTQ tổ chức hoạt động khám phá kiến thức (gắn hình lên bảng - như sgk)

+GV giao nhiệm vụ cho HS

*TBHT điều hành

Việc 1: Giới thiệu các số tròn chục từ 110 đến 200.

- Gắn lên bảng hình biểu diễn số 110 và hỏi: Có mấy trăm và mấy chục, mấy đơn vị?

- Số này đọc là: Một trăm mười.

- Số 110 có mấy chữ số, là những chữ số nào?

- Một trăm là mấy chục?

- Vậy số 110 có tất cả bao nhiêu chục.

- Có lẻ ra đơn vị nào không?

- Đây là 1 số tròn chục.

- Hướng dẫn tương tự với dòng thứ 2 của bảng để học sinh tìm ra cách đọc, cách viết và cấu tạo của số 120.

- Yêu cầu học sinh suy nghĩ và thảo luận để tìm ra cách đọc và cách viết của các số: $130 < 140, 0150 < 160, 0170 < 180, 0190 < 200$.

- Yêu cầu học sinh báo cáo kết quả thảo luận.

- Yêu cầu cả lớp đọc các số tròn chục từ 110 đến 200.

Việc 2: So sánh các số tròn chục.

- Gắn lên bảng hình biểu diễn 110 và hỏi: Có bao nhiêu hình vuông?

- Gắn tiếp lên bảng hình biểu diễn số 120 và hỏi: Có bao nhiêu hình vuông?

- 110 hình vuông và 120 hình vuông thì bên nào có nhiều hình vuông hơn, bên nào có ít hình vuông hơn.

- Học sinh quan sát, trải nghiệm trên hình.

+Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến

*Dự kiến KQ chia sẻ:

- Có 1 trăm, 1 chục và 0 đơn vị. Sau đó, lên bảng viết số như phần bài học trong sách giáo khoa.

- Cả lớp đọc: Một trăm mười.

- Số 110 có 3 chữ số, chữ số hàng trăm là chữ số 1, chữ số hàng chục là chữ số 1, chữ số hàng đơn vị là chữ số 0.

- Một trăm là 10 chục.

- Học sinh đếm số chục trên hình biểu diễn và trả lời: có 11 chục.

- Không lẻ ra đơn vị nào.

- Học sinh lắng nghe.

- Học sinh thực hiện yêu cầu.

- Học sinh thảo luận cặp đôi và viết kết quả vào bảng số trong phần bài học.

- 2 học sinh lên bảng, 1 học sinh đọc số, 1 học sinh viết số, cả lớp theo dõi và nhận xét.

- Học sinh đọc.

- Có 110 hình vuông, sau đó lên bảng viết số 110.

- Có 120 hình vuông, sau đó lên bảng viết số 120.

- 120 hình vuông nhiều hơn 110 hình vuông, 110 hình vuông ít hơn 120 hình vuông.

<ul style="list-style-type: none"> - Vậy 110 và 120 số nào lớn hơn, số nào bé hơn? - Yêu cầu HS lên bảng điền dấu $>$, $<$ vào chỗ trống. - Ngoài cách so sánh số 110 và 120 thông qua việc so sánh 110 hình vuông và 120 hình vuông như trên, trong toán học chúng ta so sánh các chữ số cùng hàng của hai số với nhau. - Hãy so sánh chữ số hàng trăm của 110 và 120. - Hãy so sánh chữ số hàng chục của 110 và 120 với nhau. - Khi đó ta nói 120 lớn hơn 110 và viết $120 > 110$, hay 110 bé hơn 120 và viết $110 < 120$. - Yêu cầu học sinh dựa vào việc so sánh các chữ số cùng hàng để so sánh 120 và 130. <p><i>Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 120 lớn hơn 110, 110 bé hơn 120. - Học sinh lên bảng điền. - Điền dấu để có: $110 < 120$; $120 > 110$. - Chữ số hàng trăm cũng là 1. - 2 lớn hơn 1, hay 1 bé hơn 2. - $120 < 130$ hay $130 > 120$.
<p>3. HĐ thực hành: (14 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các số tròn chục từ 110 đến 200. - Biết cách đọc, viết các số tròn chục từ 110 đến 200. - Biết cách so sánh các số tròn chục. <p>*Cách tiến hành:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: + YC HS làm một số bài tập + GV trợ giúp HS hạn chế -TBHT điều hành HĐ chia sẻ <p><u>Bài 1: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời các tổ nối tiếp báo cáo kết quả. - Nhận xét bài làm học sinh. <p><u>Bài 2: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập yêu cầu gì? - Đưa ra hình biểu diễn số để học sinh so sánh, sau đó yêu cầu học sinh so sánh số thông qua việc so sánh các chữ số cùng hàng. - Giáo viên nhận xét sửa chữa bài. <p><u>Bài 3: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Để điền dấu cho đúng, trước hết phải thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện theo YC - Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài. <i>*Dự kiến các bước hoạt động và nội dung chia sẻ trước lớp của HS:</i> - Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài. - Kiểm tra chéo trong cặp. - Học sinh nối tiếp nhau chia sẻ. - Bài tập yêu cầu chúng ta điền dấu $>$, $<$, $=$ vào chỗ trống. - Làm bài, sau đó 2 học sinh ngồi cạnh nhau đối chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau. - Học sinh làm vào vở $110 < 120 \quad 130 < 150$ $120 > 110 \quad 150 > 130$ <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu

<p>so sánh số, sau đó điền dấu ghi lại kết quả so sánh đó.</p> <p>- Yêu cầu 2 em lên bảng chia sẻ kết quả, mỗi em làm một cột.</p> <p>- Yêu cầu học sinh nhận xét bài làm trên bảng.</p> <p>- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.</p> <p><i>Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành bài tập</i></p> <p>♣ Bài tập chờ:</p> <p>Bài tập 3: Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên.</p> <p>Bài tập 4: Yêu cầu học sinh tự làm bài và báo cáo kết quả với giáo viên.</p>	<p>của bài và làm bài.</p> <p>-Dự kiến KQ chia sẻ:</p> <p>100 < 110 180 > 170</p> <p>140 = 140 190 > 150</p> <p>150 < 170 160 > 130</p> <p>- Học sinh nhận xét.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Học sinh tự làm bài sau đó báo cáo kết quả với giáo viên:</p> <p>+ Dự kiến KQ chia sẻ:</p> <p>110, 120, 130, 140, 150, 160, 170, 180, 190, 200.</p> <p>- Học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên.</p>
<p>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)</p> <p>/?/ Qua bài học, bạn biết được điều gì?</p> <p>/?/ Qua bài học, bạn có mong muốn, đề xuất điều gì?</p> <p>/?/ Qua bài học, bạn có băn khoăn, thắc mắc gì?</p> <p>- Số tròn chục là những số như thế nào?</p> <p>- Là những số có hàng đơn vị bằng 0.</p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học.</p>	
<p>5. Hoạt động sáng tạo (1 phút)</p> <p>- Về nhà thực hiện trải nghiệm YC sau:</p> <p>a. Viết tiếp 4 số tròn chục có hai chữ số: 40;;.....;.....</p> <p>b. Viết tiếp 4 số tròn chục có ba chữ số: 120;;.....;.....</p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học.</p> <p>- Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Sửa bài sai.</p> <p>- Xem trước bài: Các số từ 101 đến 110</p>	

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

MĨ THUẬT

(GV chuyên soạn)

Thứ sáu ngày 29 tháng 3 năm 2019

CHÍNH TẢ: (NGHE - VIẾT)

CÂY DỪA

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nghe- viết chính xác bài chính tả, trình bày đúng các câu thơ lục bát.
- Làm được bài tập 2a; viết đúng tên riêng Việt Nam trong bài tập 3.

2. Kỹ năng: Giúp học sinh rèn quy tắc chính tả *s/x* và kỹ năng viết tên riêng.

3. Thái độ: Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ Việt.

(Giáo viên nhắc học sinh đọc bài thơ *Cây dừa* (Sách giáo khoa) trước khi viết bài chính tả.)

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.
- Học sinh: Sách giáo khoa, bảng con, vở bài tập, đồ dùng học tập đầy đủ.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.
- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- Nhận xét bài làm của học sinh, khen những em tuần trước viết bài tốt.- TBVN bắt nhịp cho lớp hát bài <i>Cây dừa quê em</i>.- GV kết nối nội dung bài - Ghi đầu bài lên bảng.	<ul style="list-style-type: none">- Lắng nghe.- Học sinh hát tập thể- Mở sách giáo khoa.
2. HĐ chuẩn bị viết chính tả. (5 phút) *Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none">- Học sinh có tâm thế tốt để viết bài.- Nắm được nội dung bài thơ để viết cho đúng chính tả. *Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp	
<ul style="list-style-type: none">- Giáo viên giới thiệu và đọc bài chính tả (8 dòng thơ đầu trong bài <i>Cây dừa</i>) Đọc chậm và rõ ràng, phát âm chuẩn.- Yêu cầu học sinh đọc lại. *Giáo viên giao nhiệm vụ: <ul style="list-style-type: none">+YC HS thảo luận một số câu hỏi+GV trợ giúp đối tượng HS hạn chế- Hướng dẫn học sinh nắm nội dung bài viết và cách trình bày qua hệ thống câu hỏi gợi ý: *TBHT điều hành HĐ chia sẻ:	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh lắng nghe.- Học sinh đọc lại.-Thực hiện YC theo nhóm+ Học sinh trả lời từng câu hỏi của giáo viên.+ Lưu ý nội dung bài viết, cách trình bày, những điều cần lưu ý.- Đại diện nhóm báo cáo *Dự kiến ND chia sẻ:

<p>-Đoạn thơ nhắc đến những bộ phận nào của cây dừa? - Các bộ phận đó được so sánh với những gì?</p> <p>+ Đoạn thơ có mấy dòng? + Dòng thứ nhất có mấy tiếng? + Dòng thứ hai có mấy tiếng? - Đây là thể thơ lục bát. Dòng thứ nhất viết lùi vào 1 ô, dòng thứ 2 viết sát lề. - Các chữ cái đầu dòng thơ viết như thế nào?</p> <p>- Giáo viên yêu cầu học sinh viết vào bảng con những từ khó: <i>tỏa; tàu dừa, ngọt, hũ...</i> - Nhận xét bài viết bảng của học sinh. - Giáo viên đọc lần 2. <i>Quan sát, nhắc nhở, khuyến khích học sinh trả lời: M1</i></p>	<p>+ Đoạn thơ nhắc đến lá dừa, thân dừa, quả dừa, ngọn dừa. + Học sinh đọc lại bài sau đó trả lời: <i>Lá:</i> như tay dang ra đón gió, như chiếc lược chải vào mây xanh. <i>Ngọn dừa:</i> như cái đầu của người biết gật để gọi trăng. <i>Thân dừa:</i> bạc phếch thẳng năm. <i>Quả dừa:</i> như đàn lợn con, như những hũ rượu. + 8 dòng thơ. + Dòng thứ nhất có 6 tiếng. + Dòng thứ hai có 8 tiếng.</p> <p>- Chữ đầu dòng thơ phải viết hoa. - Luyện viết vào bảng con, 1 học sinh viết trên bảng lớp. - Lắng nghe.</p>
<p>3. HĐ viết bài chính tả. (15 phút)</p>	
<p>*Mục tiêu:</p>	
<p>- Học sinh nghe viết chính xác 1 đoạn bài: <i>Cây dừa</i></p>	
<p>- Viết hoa chữ đầu câu, ghi dấu câu đúng vị trí.</p>	
<p>*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp - cá nhân</p>	
<p>- Giáo viên nhắc học sinh những vấn đề cần thiết: Viết tên bài chính tả vào giữa trang vở. Chữ đầu câu viết hoa lùi vào 1 ô, chú ý lắng nghe cô giáo phát âm, đọc nhẩm từng cụm từ để viết cho đúng, đẹp, nhanh; ngồi viết đúng tư thế, cầm viết đúng qui định. - Giáo viên đọc cho học sinh viết bài. Lưu ý: <i>Tư thế ngồi, cách cầm bút, tốc độ: đối tượng M1</i></p>	<p>- Lắng nghe. - Học sinh viết bài vào vở.</p>
<p>4. HĐ chấm và nhận xét bài. (3 phút)</p>	
<p>*Mục tiêu:</p>	
<p>- Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và phát hiện lỗi giúp bạn.</p>	
<p>*Cách tiến hành: HĐ cá nhân - cặp đôi</p>	
<p>- Giáo viên đọc lại bài cho học sinh soát lỗi.</p>	<p>- Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đánh giá nhanh 5 - 7 bài. - Nhận xét nhanh về bài làm của học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe. 				
<p>5. HĐ làm bài tập: (6 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp học sinh rèn quy tắc chính tả s/x và kỹ năng viết tên riêng. <p>*Cách tiến hành:</p>					
<p>*GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập</p> <p>*GV trợ giúp Hs hạn chế</p> <p><i>*TBHT điều hành hoạt động chia sẻ</i></p> <p>Bài 3: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc yêu cầu. - 1 học sinh đọc bài thơ. - Yêu cầu học sinh đọc thầm để tìm ra các tên riêng? - Tên riêng phải viết như thế nào? - Gọi học sinh lên bảng viết lại các tên riêng trong bài cho đúng chính tả. - Yêu cầu học sinh nhận xét bài của bạn trên bảng, sau đó nhận xét và sửa chữa. <p>Bài 2a: TC Trò chơi Tiếp sức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 học sinh đọc yêu cầu. - Dán hai tờ giấy lên bảng chia lớp thành 2 nhóm, yêu cầu học sinh lên tìm từ tiếp sức. <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp và giáo viên nhận xét. - Cho học sinh đọc các từ tìm được. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tìm hiểu yêu cầu và tự làm bài. - Học sinh làm bài cá nhân - Học sinh lên bảng chia sẻ <p><i>*Dự kiến nội dung chia sẻ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 học sinh đọc yêu cầu. - 1 học sinh đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm theo. - Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên, Tây Bắc, Điện Biên. - Tên riêng phải viết hoa. - 2 học sinh lên bảng viết lại, học sinh dưới lớp viết vào vở. - Nhận xét bài làm của bạn trên bảng. - Học sinh đọc yêu cầu. - Học sinh tham gia chơi: <table border="1" data-bbox="902 1125 1369 1371"> <thead> <tr> <th>Tên cây bắt đầu bằng s</th> <th>Tên cây bắt đầu bằng x</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>sắn, sim, sung, si, sen, súng, sâm, sậy, sấu,...</td> <td>xoan, xà cừ, xà nu, xương, rồng,...</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - 1 học sinh đọc. 	Tên cây bắt đầu bằng s	Tên cây bắt đầu bằng x	sắn, sim, sung, si, sen, súng, sâm, sậy, sấu,...	xoan, xà cừ, xà nu, xương, rồng,...
Tên cây bắt đầu bằng s	Tên cây bắt đầu bằng x				
sắn, sim, sung, si, sen, súng, sâm, sậy, sấu,...	xoan, xà cừ, xà nu, xương, rồng,...				
<p>6. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh nêu lại tên bài học. /?/ Qua bài học, bạn biết được điều gì? /?/ Qua bài học, bạn có mong muốn, đề xuất điều gì? /?/ Qua bài học, bạn có băn khoăn, thắc mắc gì? - Yêu cầu nhắc lại cách trình bày bài viết - Chọn một số vở học sinh viết chữ sạch đẹp không mắc lỗi cho cả lớp xem. - Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết học 					
<p>7. Hoạt động sáng tạo (1 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết tên một số tên loài hoa bắt đầu bằng s hoặc x mà em biết - Nhận xét tiết học. - Nhắc nhở học sinh mắc lỗi chính tả về nhà viết lại các từ đã viết sai 					